TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày: 18/01/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hơn**.
2. Bà **Phan Thị Đẹp**.

Thư ký phiên tòa: Anh **Phạm Nhật Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1979. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thế C**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967. (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:**

Do có mối quan hệ bà con, chị Nguyễn Thị Ngọc M là cháu dâu của ông Nguyễn Thế C và bà Nguyễn Thị H, chị M có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 90.000.000 đồng vào tháng 02/2018, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, mục đích bà H nói vay tiền để trả tiền sắt xây nhà. Nhưng từ lúc nhận tiền cho đến nay bà H không có trả đồng vốn lãi nào cho chị dù chị đòi nhiều lần. Đến năm 2019, bà H có tham gia chơi hụi do chị làm chủ hụi và bà H đã hốt hết phần hụi bà H tham gia nhưng không đóng hụi lại cho các hụi viên khác nên chị đã dùng tiền của mình để chàng tiền hụi cho bà H đóng phần hụi của bà H cho các hụi viên khác đến khi hụi mãn tổng số tiền nợ hụi là 61.000.000 đồng. Khi chị M đến nhà đòi nợ thì ông Nguyễn Thế C có làm tờ cam kết ngày 04/11/2020 cho chị hứa

khi nào bán được nhà sẽ trả số tiền nợ 151.000.000 đồng nhưng không cho biết cụ thể thời hạn trả nợ nên chị không đồng ý và khởi kiện ra Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H phải trả cho chị M tổng số tiền nợ 151.000.000 đồng trong đó bao gồm số tiền nợ vay là 90.000.000 đồng và số tiền chị M chàng hụi cho bà H đóng cho các hụi viên khác là 61.000.000 đồng (hiện dây hụi này đã mãn lâu rồi). Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** <u>Tại biên bản hòa giải ngày 04/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thế C trình bày</u>:**

Ông C thừa nhận vợ chồng ông C, bà H có nợ chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 151.000.000 đồng. Ông C có viết giấy hứa trả tiền ngày 04/11/2020 cho chị M hẹn khi nào bán được nhà sẽ trả cho chị M số tiền nợ 151.000.000 đồng. Nay ông xin khi bán được nhà vào khoảng tháng 12/2021 sẽ trả đứt số tiền nợ 151.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Ngọc M.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn bà Nguyễn Thị H dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M thuộc tranh chấp dân sự là "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hụi". Bị đơn ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H cùng cư trú tại ấp P, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho chị M số tiền nợ 151.000.000 đồng trong đó gồm tiền nợ vay vốn gốc 90.000.000 đồng và số tiền chị M chàng hụi cho bà H đóng cho các hụi viên khác là 61.000.000 đồng (hiện dây hụi này đã mãn), thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, chị Nguyễn Thị Ngọc M đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc Giấy cam kết trả nợ ngày 04/11/2020 do ông Nguyễn Thế C viết và ký tên; 01

Biên bản hòa giải lập ngày 31/10/2020 tại trụ sở ấp P, xã T, TP M giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H thừa nhận có nợ chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 151.000.000 đồng trong đó gồm có 90.000.000 đồng tiền nợ vay và 61.000.000 đồng tiền nợ hụi. Bà Nguyễn Thị H cho rằng số tiền nợ vay 90.000.000 đồng, bà H có đóng lãi cho chị M từ năm 2016 cho đến năm 2018 với mức lãi suất 5%/tháng nhưng bà H không cung cấp chứng cứ giấy tờ gì để chứng minh việc bà H có đóng lãi cho chị M như lời trình bày của bà tại phiên tòa nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày này.

Căn cứ vào Điều 466, 471 Bộ luật dân sự, chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H phải trả tổng số tiền 151.000.000 đồng (trong đó gồm có 90.000.000 đồng tiền nợ vay và 61.000.000 đồng tiền nợ hụi) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H là người có lỗi đã vi phạm hợp đồng không trả nợ cho chị Nguyễn Thị Ngọc M. Nay chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H trả cho chị M tổng số tiền nợ 151.000.000 đồng (trong đó gồm 90.000.000 đồng tiền nợ vay và 61.000.000 đồng tiền nợ hụi), thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Do ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm về thời gian trả nợ và phương thức trả nợ nên cần buộc ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phủ hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M. Buộc ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 151.000.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.550.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002422 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:
- *VKSND. TP M.*
- *Chi cục THADS. TP M.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*